PHƯƠNG THỨC LIÊN KẾT HỘI THOẠI THAY THẾ VÀ TỈNH LƯỢC TRONG TÁC PHẨM *A FAREWELL TO ARMS* (*GIÃ TỪ VŨ KHÍ*) CỦA ERNEST HEMINGWAY

HÁN THỊ BÍCH NGỌC[1]

Abstract: This article explores the cohesion of conversational language in Ernest Hemingway's novel A Farewell to Arms through the two phenomena of substitution and ellipsis. The three main contexts for substitution and ellipsis are nouns, verbs, and clauses. The author analyzes the grammatical cohesion of substitution and ellipsis in the dialogues taken from A Farewell to Arms and summarizes the linguistic realizations of these phenomena. By using substitution and ellipsis, Hemingway created natural, authentic conversations with strong expressive capabilities. This is also a testament to this author's unique and minimalist writing style.

Keywords: *conversation, ellipsis, substitution, Ernest Hemingway, A Farewell to Arms*

1. Đặt vấn đề

Từ góc độ văn bản, liên kết là một tiêu chí quan trọng để phân biệt giữa một văn bản hoàn chỉnh và một chuỗi các câu hỗn độn, rời rạc. Đây được xem là yếu tố mang tính phổ quát cho mọi ngôn ngữ. Tuy nhiên, tuỳ theo đặc điểm riêng của từng ngôn ngữ mà các phương thức liên kết có cách thể hiện khác nhau. Trong lĩnh vực nghiên cứu văn bản tiếng Anh, Halliday và Hasan (1976) cho rằng liên kết trong văn bản được thực hiện thông qua sự tổ chức tầng bậc gồm ba cấp độ: cấp độ ngữ nghĩa (ý nghĩa), cấp độ ngữ pháp - từ vựng (hình thức) và cấp độ ngữ âm - chữ viết. Tức là ý nghĩa được mã hoá bằng hình thức, hình thức được giải mã bằng ngữ âm và chữ viết. Cũng theo hai tác giả này, liên kết là khái niệm mang tính ngữ nghĩa và được thể hiện một phần qua ngữ pháp và một phần qua từ vựng. Căn cứ vào điều đó, hai tác giả này đã chia phương thức liên kết thành hai loại: liên kết ngữ pháp và liên kết từ vựng [4, tr.4-6]. Liên kết ngữ pháp gồm phép quy chiếu, thay thế và tỉnh lược; Liên kết từ vựng gồm lặp từ, sử dụng từ đồng nghĩa, từ gần nghĩa, cách tổ chức từ vựng; Ngoài ra, còn có liên kết trung gian là phép nối nằm giữa ranh giới của liên kết ngữ pháp và liên kết từ vựng. Trong phạm vi nghiên cứu của bài viết này, chúng tôi chủ trương đi sâu tìm hiểu về liên kết ngữ pháp, cụ thể chúng tôi nghiên cứu hai phép liên kết *thay thế* (substitution) và *tỉnh lược* (ellipsis) trong tiểu thuyết của nhà văn Ernest Hemingway với tác phẩm tiêu biểu cho sự nghiệp văn học của ông là *A Farewell to Arms* (1929).

A Farewell to Arms là một trong những tiểu thuyết thành công nhất của Ernest Hemingway được sáng tác với bối cảnh cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ nhất. Được viết dựa trên các trải nghiệm của chính tác giả trong thời gian phục vụ tại mặt trận Ý, với nhiều nhân vật lấy cảm hứng từ người thật, có thể coi *A Farewell to Arms* là một cuốn bán tự truyện của chính Hemingway. Tác phẩm này là minh chứng cho phong cách viết văn mà Hemingway luôn theo đuổi: ngắn gọn, mạnh mẽ, viết ít gợi nhiều. Làm nên thành công của tiểu thuyết không thể không nhắc đến nghệ thuật xây dựng hội thoại chân thực, tự nhiên, được hỗ trợ bởi các phương tiện liên kết văn bản như tỉnh lược và thay thế.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề về lí thuyết

Theo Đỗ Thị Kim Liên: "Hội thoại là một trong những hoạt động ngôn ngữ thành lời giữa hai hoặc nhiều nhân vật trực tiếp, trong một ngữ cảnh nhất định mà giữa họ có sự tương tác qua lại về hành

[1] ThS, Trường Đại học Thương mại

vi ngôn ngữ hay hành vi nhận thức nhằm đi đến một đích nhất định" [2, tr.18]. Như vậy, hội thoại là hoạt động giao tiếp hai chiều ở dạng nói, khi các nhân vật thường xuyên thay đổi vai nói và vai nghe theo những quy tắc nhất định. Trong cuộc hội thoại giữa các nhân vật giao tiếp, có các đơn vị theo thứ tự từ lớn đến nhỏ như sau: cuộc hội thoại, đoạn thoại, cặp thoại, tham thoại, hành vi ngôn ngữ.

Đặc trưng nổi bật của hội thoại là sự liên kết về nội dung. Tính liên kết làm cho văn bản không chỉ là những câu văn rời rạc mà trở thành một thể thống nhất về nội dung, hình thức và cấu trúc. Halliday & Hasan cho rằng các phương tiện liên kết đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo nên tính tự nhiên của văn bản bởi "những quan hệ ngữ nghĩa này hình thành cơ sở cho sự liên kết giữa các thông điệp của một văn bản" [4, tr.72]. Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào hai hiện tượng thay thế và tỉnh lược như những phương tiện liên kết ngữ pháp được sử dụng trong các hội thoại của tác phẩm.

Thay thế (substitution) được Halliday & Hasan định nghĩa là khi một bộ phận của câu được thay thế bằng một từ hoặc một cụm từ khác có nghĩa tương đương và có cùng một chức năng ngữ pháp. Ba ngôn cảnh chính cho thay thế là danh từ, động từ và mệnh đề. Phép *thay thế danh từ* là khi danh từ trong câu được thay thế bằng một đơn vị tương ứng về ngữ pháp. Ví dụ (1):

*My **axe** is too blunt. I must get a sharper **one**.*	*Rìu của tôi đã quá cùn rồi. Tôi phải kiếm một cái khác.* [3, tr.89]

Trong ví dụ này, *one* là từ thay thế cho danh từ *axe*, hai từ này đều đóng vai trò chính tố (head) trong cụm danh từ. Tương tự, phép *thay thế động từ* xảy ra khi động từ hoặc cụm động từ được thay thế bằng một đơn vị từ khác. Ví dụ (2):

*Will you go **wake him**?* *No, not I. For if I **do**, he'll be sure to cry.*	*Cháu có đến đánh thức nó dậy không?* *Không. Bởi nếu cháu làm điều đó, chắc chắn nó sẽ khóc.* [3, tr.505]

Động từ *do* ở đây là một phương tiện thay thế cho cụm động từ *wake him*. Phép thay thế với *do* có chức năng tạo liên kết trong văn bản khi nó mang tính chất khứ chỉ, được dùng để thay thế cho một thành phần trong câu trước đó. Trong một số trường hợp, thay thế bằng động từ *do* mang tính chất hồi chỉ, xuất hiện trong cùng một câu với cụm động từ được thay thế và do đó, không có chức năng tạo liên kết trong văn bản. Ví dụ (3):

*Since I have **done**, will you join too?*	*Tôi đã làm rồi, bạn có tham gia không?* [3, tr.128]

Ngôn cảnh cuối cùng của phép thay thế là mệnh đề. Trong phép *thay thế mệnh đề*, thành phần được thay thế là cả mệnh đề. Ví dụ (4):

Every one seems to think he is guilty. *If so, no doubt he will offer to resign.*	*Mọi người có vẻ đều nghĩ rằng anh ta có tội. Nếu đúng như vậy, chắc chắn anh ta sẽ từ chức.* [3, tr.134]

Trong ví dụ này, *so* được dùng như một phương tiện thay thế cho toàn bộ mệnh đề điều kiện *He is guilty* ở câu trên. Halliday cũng cho rằng, phép thế mệnh đề thường diễn ra ở ba loại: mệnh đề tường thuật, mệnh đề tình thái và mệnh đề điều kiện. Ở mỗi dạng mệnh đề, phép thế có thể biểu hiện ở dạng khẳng định hoặc phủ định bằng các dấu hiệu ngôn ngữ khác nhau [3, tr.143].

Tỉnh lược (ellipsis) có thể được coi là một dạng đặc biệt của phép thay thế mà ở đó, một thành tố đã được thay thế bằng zero (Ø). Tỉnh lược là khi chúng ta tiền giả định có một thành phần nào đó bằng lời đã được bỏ ngỏ mà không được nói ra, tuy nhiên điều không nói ra này lại có thể được hiểu dựa vào ngữ cảnh trước hoặc sau nó (this unsaid is understood). Tương tự như thay thế, ba ngôn cảnh chính cho tỉnh lược là danh từ, động từ và mệnh đề.

Tỉnh lược danh từ là khi danh từ/ cụm danh ngữ trong câu được thay thế bằng Ø, ví dụ (5):

Which last longer, the curved rods or the straight rods? *The straight Ø are less likely to break.*	*Loại cần câu cong hay cần câu thẳng bền hơn?* *Loại (cần câu) thẳng sẽ khó gãy hơn.* [3, tr.148]

Straight là một tính từ có chức năng bổ nghĩa trong lượt lời đầu tiên, nhưng lại đóng vai trò là chính tố (head) trong cụm danh từ ở lượt đáp lời, do chính tố *rods* ở đây đã bị tỉnh lược. Có thể thấy, tỉnh lược danh từ chủ yếu liên quan đến việc các yếu tố như từ chỉ xuất (*these, those*), số từ (*one, two*), tính từ (*straight, curved*) có thể đảm nhận chức năng chính tố mà vẫn đảm bảo về mặt nội dung, tức là khi người tạo phát ngôn "đưa các từ ở vị trí bổ tố lên làm chính tố" [3, tr.148].

Tỉnh lược động từ/ cụm động ngữ là tỉnh lược một yếu tố nào đó trong nội bộ cụm động ngữ. Ví dụ (6):

Have you been swimming? *Yes, I have Ø.*	*Bạn vừa đi bơi à?* *Vâng, tôi vừa mới (đi bơi).* [3, tr.169]

Trong ví dụ này, động từ từ vựng *swim* đã hoàn toàn vắng mặt trong lượt đáp lời bởi toàn bộ cụm động ngữ *been swimming* đã bị lược bỏ. Tuy nhiên, nội dung của câu trả lời vẫn được đảm bảo bởi các thành phần bị tỉnh lược có thể được phục hồi từ văn bản hoặc từ ngữ cảnh.

Tỉnh lược mệnh đề là hiện tượng cả mệnh đề hoặc một thành phần của mệnh đề được thay thế bằng Ø, như ở trong ví dụ (7), toàn bộ thành phần của mệnh đề *The children have gone to sleep* đều đã bị lược bỏ.

Have the children gone to sleep? *No. Ø*	*Bọn trẻ đã đi ngủ chưa?* *Chưa. (Bọn trẻ chưa đi ngủ.)* [3, tr.172]

2.2. Thay thế và tỉnh lược trong các hội thoại của tác phẩm A Farewell to Arms

2.2.1. Nội dung khảo sát và phương pháp tiếp cận

Chúng tôi tiến hành thống kê các hội thoại trong tác phẩm *A Farewell to Arms* dựa vào các tiêu chí xác định hội thoại được đề xuất bởi Đỗ Hữu Châu [1] như sau:

- Sự có mặt của các nhân vật hội thoại: cuộc thoại được xác định bởi sự hiện diện liên tục của những người hội thoại, trong đó, với trường hợp đa thoại, một người có thể rút ra hoặc một người mới có thể gia nhập thêm vào.

- Thống nhất về thời gian, địa điểm và đề tài diễn ngôn: trong bối cảnh văn bản, cuộc thoại diễn ra tại một địa điểm và thời gian nhất định. Cuộc hội thoại không nhất thiết chỉ nói về một chủ đề nhưng phải đi theo một hướng nhất định từ đầu tới khi kết thúc.

- Có các lượt lời và sự đối đáp qua lại giữa các nhân vật. Trường hợp người nghe im lặng, thở dài, lắc đầu hoặc gật đầu nhưng người nói vẫn ngầm hiểu là có câu trả lời và hội thoại vẫn tiếp tục trong mạch đề tài thì vẫn được tính là hội thoại.

Chúng tôi đã tiến hành thống kê được 97 hội thoại trong tiểu thuyết *A Farewell to Arms*. Phương pháp thống kê, phân loại, phương pháp phân tích được chúng tôi sử dụng để hệ thống hoá hiện tượng thay thế và tỉnh lược ngữ pháp xuất hiện trong các hội thoại của tiểu thuyết *A Farewell to Arms*. Tiếp theo, chúng tôi phân tích các ngữ liệu, sau đó khái quát các hình thức biểu hiện và rút ra dấu hiệu ngôn ngữ của các hiện tượng này.

2.2.2. Kết quả khảo sát

Tần suất của hiện tượng thay thế và tỉnh lược trong tiểu thuyết *A Farewell to Arms* được chúng tôi tóm tắt bằng bảng dưới đây:

Bảng 1. Thống kê hiện tượng tỉnh lược và thay thế trong các hội thoại của A Farewell to Arms

Phép liên kết	Đơn vị liên kết	Số lượng	Số lượng	Tỉ lệ
Tỉnh lược	Cú	612	774	88,6 %
	Động từ	132		
	Danh từ	30		
Thay thế	Cú	48	96	11,4 %
	Động từ	18		
	Danh từ	30		
Tổng		**870**	**870**	**100%**

2.2.2.1. Hiện tượng thay thế

Trong các hội thoại của tiểu thuyết *A Farewell to Arms* mà chúng tôi thống kê được, hiện tượng thay thế ít xuất hiện hơn so với tỉnh lược (11,4% so với 88,6%). Khi so sánh các dạng thay thế, thay thế mệnh đề là hiện tượng phổ biến nhất, thường được thực hiện bằng các dấu hiệu từ *so* (cho mệnh đề khẳng định), *not* (cho mệnh đề phủ định). Ví dụ (8): hiện tượng thay thế mệnh đề phủ định được thực hiện bằng *not* (thay thế cho: *no one trusts us*).

Sp1: We work very hard but no one trusts us. *Sp2: Why **not**?* (1, tr.30)	*Chúng tôi làm việc chăm chỉ nhưng không ai tin chúng tôi.* *Tại sao không?*

Ví dụ (9):

Sp1: But you will have a better time. Even with remorse you will have a better time. *Sp2: I don't think **so**.* (1, tr.157)	*Nhưng anh sẽ có cuộc sống tốt đẹp hơn. Dù là trong dằn vặt thì anh sẽ vẫn có một quãng thời gian tốt đẹp hơn.* *Tôi không nghĩ vậy*

Ví dụ (9), hiện tượng thay thế mệnh đề khẳng định được thực hiện bằng *so* (thay thế cho *I will have a better time*.)

- Hiện tượng thay thế động từ thường được thực hiện bằng trợ động từ *do*.

Ví dụ (10) sau, trợ động từ *do* thay thế cho một cụm khẳng định *want to be married*:

Sp1: I thought girls always wanted to be married. *Sp2: They **do**.* (1, tr.110)	*Tôi nghĩ rằng các cô gái đều muốn lập gia đình.* *Đúng là họ muốn vậy.*

Ví dụ (11):

Sp1: You shouldn't mind because some one else loved me. *Sp2: I **do**.* (1, tr.110)	*Anh không nên bận tâm đến việc có người khác yêu em.* *Anh có đấy.*

Ở ví dụ (11), trợ động từ *do* thay thế cho cụm động từ *mind because someone else loved me*. Trong phép thế này, ý nghĩa của từ *do* được xác định theo ý nghĩa từ vựng hoặc ngữ pháp làm tiền đề ở phát ngôn trước đó.

- Thay thế danh từ thường được thực hiện bằng các từ như *ones, others*.

Ví dụ (12), *others* thay thế cho cụm danh từ số nhiều *other machines* trong lượt của Sp1:

Sp1: How's everything? *Sp2: Not so bad. This machine is no good but the **others** march.* (1, tr.22)	*Mọi chuyện thế nào rồi?* *Không tồi. Cái máy này đã hỏng nhưng những cái khác thì vẫn chạy tốt.*

Ví dụ (13):

*Sp1: All summer and all fall I've operated. I work all the time. I do everybody's work. All the hard **ones** they leave to me. By God, baby, I am becoming a lovely surgeon.* *Sp2: That sounds better.* (1, tr.156)	*Suốt cả mùa hè và mùa thu tôi đã phẫu thuật. Tôi làm việc mọi lúc. Tôi làm phần việc của mọi người. Tất cả những việc khó thì họ để lại cho tôi. Tôi đã trở thành một bác sĩ thật đáng mến.* *Nghe có vẻ tốt hơn rồi đấy.*

Ở ví dụ (13), *ones* thay thế cho danh từ số nhiều *works* với nghĩa những công việc. Phép thay thế có thể được dùng để thay thế thông tin ở các lượt lời khác nhau hoặc trong cùng một lượt lời như ở hai ví dụ trên.

2.2.2.2. Hiện tượng tỉnh lược

Có thể thấy, hiện tượng tỉnh lược có tần suất cao nhất với 774/870 lượt trong các hội thoại của tác phẩm. Trong số đó, tỉnh lược mệnh đề là dạng tỉnh lược phổ biến nhất (612/774 lượt). Về hình thức biểu hiện, tỉnh lược mệnh đề thường xuất hiện ở lượt lời đáp, sau những câu trả lời Yes/No, hoặc trước các trạng từ.

Ví dụ (14): toàn bộ mệnh đề *I had beautiful adventures* đã bị lược bỏ sau câu trả lời khẳng định *Yes*.

Sp1: Did you have any beautiful adventures? *Sp2: Yes. Ø* (1, tr.18)	*Anh đã có những chuyến phiêu lưu tốt đẹp chứ?* *Đúng vậy. (Tôi đã có những chuyến phiêu lưu tốt đẹp.)*

Ví dụ (15):

Sp1: Did they cross the river all right? *Sp2: Ø Enormously. They take nearly a thousand prisoners.* (1, tr.67)	*Họ vượt sông an toàn chứ?* *(Họ đã vượt sông) Một cách phi thường. Họ đã lấy đi gần một nghìn tù nhân.*

Ở ví dụ (15), Sp2 cũng không nhắc lại mệnh đề *They crossed the river* đã được nhắc đến trong câu hỏi. Với dạng tỉnh lược mệnh đề trong hội thoại, việc dựa vào việc phân tích lượt lời để làm rõ những thông tin đã bị tỉnh lược là điều quan trọng.

Tỉnh lược động từ là hiện tượng phổ biến chỉ sau tỉnh lược mệnh đề. Hiện tượng này thường xuất hiện trong lượt đáp lời, xuất hiện sau các trợ động từ tình thái như *do, can, will, should*.

Ví dụ (16), cụm động từ *tell her* đã bị lược bỏ sau trợ động từ *will*.

Sp1: Will you tell her how sorry I am? *SP2: Yes, I will Ø.* (1, tr.45)	*Hãy nói với cô ấy là tôi xin lỗi nhé?* *Vâng, tôi sẽ (nói với cô ấy).*

Ví dụ (17):

Sp1: "Please move the knee," said the bearded doctor. *Sp2: I can't Ø.* (1, tr.94)	*"Hãy chuyển động đầu gối đi", vị bác sĩ râu quai nón nói.* *Tôi không thể (chuyển động đầu gối).*

Ở ví dụ (17), cụm động từ *move the knees* bị lược bỏ sau *can't*. Việc lược bỏ này khiến cho câu trả lời tự nhiên hơn và loại bỏ những yếu tố không cần thiết trong giao tiếp do đã được nhắc đến ngay trước đó.

Tỉnh lược danh từ không thường được tác giả sử dụng trong các hội thoại. Hiện tượng này có thể được đánh dấu bởi nhóm từ định lượng xác định (*three, four*) hoặc không xác định (*some, any*).

Ví dụ (18): danh từ *eggs* đã được nhắc đến ở lượt lời của Sp1 nên đã bị loại bỏ trong lượt lời của Sp2 và Sp3.

Sp1: How many eggs for the gentleman? *Sp2: Three Ø.* *Sp3: Take four Ø, darling.* (1, tr.247)	*Quý ông đây dùng mấy quả trứng?* *Ba (quả trứng).* *Gọi bốn (quả trứng) đi, em yêu.*

Ví dụ (19):

Sp1: Why didn't you ask me for a glass?	*Tại sao anh không mời em một ly?*
Sp2: I thought maybe you wouldn't let me have it.	*Anh nghĩ có thể em sẽ không đồng ý để anh uống.*
Sp1: I'd have had some Ø.	*Em có mang theo một ít (rượu) đây.*
Sp2: You're a fine girl. (1, tr.88)	*Em đúng là cô gái tốt.*

Ở ví dụ (19), mặc dù không nhắc đến việc uống rượu nhưng dựa vào ngữ cảnh của hội thoại, người đọc có thể xác định được danh từ bị lược bỏ sau *some* ở đây chính là *wine*. Như vậy, việc xác định yếu tố bị tỉnh lược có thể dựa vào các lượt lời phía trước, cũng có thể bằng cách suy luận từ các từ vựng liên quan trong hội thoại.

Về mặt chức năng, hiện tượng tỉnh lược và thay thế được sử dụng với tần suất khá cao trong các hội thoại nhằm loại bỏ sự trùng lặp, rườm rà về mặt thông tin. Đặc biệt trong các tác phẩm của Ernest Hemingway, với đặc trưng ngôn ngữ ngắn gọn, cô đọng, tác giả thường ưu tiên sử dụng tỉnh lược và thay thế trong một chuỗi hội thoại nơi mà trong câu trả lời mọi thứ đều được lược bỏ, trừ thành phần mang thông tin. Hiện tượng tỉnh lược và thay thế xuất hiện dày đặc trong các lượt lời khiến cho hội thoại có nhiều khoảng trống mà người đọc phải dựa vào ngữ cảnh để suy luận và tư duy. Việc sử dụng các phương tiện liên kết này khiến cho các hội thoại văn học trở nên chặt chẽ và gần gũi nhất với ngôn ngữ giao tiếp thường ngày. Hemingway được coi là bậc thầy về xây dựng hội thoại khi những đoạn hội thoại xuất hiện trong các tác phẩm của ông luôn ngắn gọn, tự nhiên nhưng vẫn đảm bảo đầy đủ thông tin và có chức năng truyền tải cảm xúc.

3. Kết luận

Phương tiện liên kết được Ernest Hemingway sử dụng với tần suất khá cao trong các hội thoại của tiểu thuyết *A Farewell to Arms* nhằm đảm bảo sự tối giản về từ ngữ cũng như tính chân thực, sinh động, mang âm hưởng của ngôn ngữ giao tiếp đời thường. Nhìn chung, các phép liên kết đều có thể được nhận dạng trong phân tích hội thoại do các phương tiện liên kết thường có cấu tạo rõ ràng và vị trí nhất định trong tổng thể ngữ pháp của câu. Trong phép thế mệnh đề, các từ *so* và *not* thường được sử dụng để thay thế mệnh đề khẳng định và mệnh đề phủ định. Phép thế danh từ thường sử dụng những từ ngữ như *one* (số ít), *ones* (số nhiều), *others*. Trong phép thế động từ, động từ *do* có vai trò liên kết trong các cấu trúc hỏi - đáp ở dạng có - không. Phép tỉnh lược cũng có thể được xem là một phép thế trong đó yếu tố thay thế là zero. Trong tỉnh lược danh từ, số từ, từ chỉ lượng bất định đều có thể đảm nhận chức năng chính tố trong cụm danh ngữ tỉnh lược. Trong tỉnh lược động từ, động từ thường được lược bỏ sau các trợ động từ tình thái như *may, should, can* … Tỉnh lược mệnh đề là hiện tượng phổ biến nhất trong các hội thoại được khảo sát, thường đứng sau các câu trả lời Yes/ No ở lượt lời đáp. Bằng hiện tượng thay thế và tỉnh lược, Hemingway đã xây dựng những nhân vật rất "kiệm lời" nhưng lại tạo ra những hội thoại rất tự nhiên, chân thực, sống động. Ngôn ngữ hội thoại được cấu thành chủ yếu từ câu đơn với các hiện tượng thay thế và tỉnh lược các thành phần khiến hội thoại giữa các nhân vật ngắn gọn, súc tích, chân thật như thể đang diễn ra trước mắt người đọc. Phải chăng chính những đặc điểm độc đáo này đã khiến cho các tác phẩm của Hemingway luôn có sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc trên toàn thế giới.

NGỮ LIỆU NGHIÊN CỨU

1. Hemingway, E., *A Farewell to Arms,* Arrow Books, 1929.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đỗ Hữu Châu, *Đại cương Ngôn ngữ học*, Tập 2, NXB Giáo dục, 2001.
2. Đỗ Thị Kim Liên, *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, NXB Giáo dục, 1999.
3. Halliday M.A.K, Hoàng Văn Vân dịch, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, NXB ĐHQG Hà Nội, 2004.

Tiếng Anh

4. Halliday, M. A. K., & Hasan, R., *Cohesion in English*, English Language Series, Longman, London, 1976, 2001.